

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 10/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1198/TTr-SNNMT ngày 25/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

2. Các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung được giao trong Đề án chủ động thực hiện các nội dung được phân công đảm bảo theo lộ trình của Đề án.

3. Giao UBND các xã, phường:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm mình và chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện các nội dung theo Đề án được ban hành.

- Báo cáo kết quả thực hiện với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

} (để b/c);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

ĐỀ ÁN

**Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 10/12/2025.
- Luật Giá ngày 19/6/2023.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10/12/2025.
- Các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 929/QĐ-TTg ngày 31/8/2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu

chất thải nhựa; số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 về việc ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 về việc ban hành định mức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Quyết định số 1062/QĐ-BTNMT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định về quản lý CTRSH theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 2616/QĐ-BNNMT ngày 09/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.

- Công văn số 1760/BNNMT-MT ngày 06/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn.

2. Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương

- Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 về việc ban hành quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh; số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc ban hành Quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 732/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 bãi bỏ một phần nội dung quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành kèm theo Quyết định số 13/2022/QĐ-

UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh; số 47/2026/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 ban hành quy định tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 22/2026/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về việc Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 177/KH-UBND ngày 25/8/2025 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường; số 144/KH-UBND ngày 06/8/2018 thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy chế điều phối công tác vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi một trong các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh phải dừng hoặc tạm dừng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đặc điểm tình hình

Thanh Hoá có diện tích tự nhiên 11.114,71 km², đứng thứ 12/34 tỉnh, thành (trước sáp nhập đứng thứ 5). Tỉnh Thanh Hóa có số đơn vị hành chính nhiều thứ hai cả nước với 166 phường, xã, gồm: 19 phường, 147 xã. Tốc độ tăng dân số của tỉnh giai đoạn 2021- 2025 duy trì ở mức dưới 1%, đạt mục tiêu Quy hoạch tỉnh và thấp hơn mức bình quân cả nước (0,95% năm 2025). Năm 2025, dân số tỉnh là 3,786 triệu người, đứng thứ 8 cả nước, tốc độ tăng dân số ước đạt 0,66%.

Trong những năm qua, tỉnh Thanh Hóa đã có sự phát triển về kinh tế xã hội ngày càng tích cực; đời sống của Nhân dân ngày một được cải thiện hơn. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu của người dân về lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày ngày càng tăng cao, kéo theo lượng chất thải sinh hoạt ngày càng lớn và đa dạng về chủng loại, trong khi công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*sau đây viết tắt là “CTRSH”*) mặc dù có sự quan tâm và chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong Nhân dân, một số vụ việc gây mất an ninh trật tự xã hội đã xảy ra có liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

Đặc biệt, sau dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 vừa qua, công tác xử lý CTRSH gặp nhiều khó khăn, CTRSH chậm được thu gom, xử lý dẫn đến tình trạng ùn ứ nhiều ngày tại các điểm tập kết nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, mất an ninh trật tự và mất mỹ quan đô thị. Mặc dù đến nay, tình trạng trên cơ bản đã được khắc phục tuy nhiên do các nhà máy xử lý CTRSH trọng điểm chưa đi vào hoạt động trong khi các bãi chôn lấp CTRSH đã bị quá tải nên nguy cơ ách tắc

trong công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất lớn, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ và triệt để trong thời gian tới.

2. Thực trạng phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thực trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt CTRSH

Trên cơ sở kết quả thực hiện của UBND các xã, phường, ước tính tổng lượng CTRSH phát sinh trong năm 2025 là 920.178,25 tấn (tương đương 2.521,04 tấn/ngày). Lượng CTRSH phát sinh có sự khác biệt rõ rệt giữa các khu vực đô thị và nông thôn. Tại khu vực đô thị, mức phát sinh trung bình: khoảng 1,2 kg/người/ngày (chủ yếu tập trung tại các trung tâm đô thị và khu vực phát triển dịch vụ, du lịch). Một số địa phương có lượng CTRSH phát sinh cao như: Phường Hạc Thành (khoảng 187 tấn/ngày); phường Sầm Sơn (khoảng 99,87 tấn/ngày); phường Quảng Phú (khoảng 62 tấn/ngày). Đây là các khu vực có mật độ dân cư cao, hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển mạnh nên lượng CTRSH phát sinh lớn. Khu vực nông thôn, mức phát sinh trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày đến 0,8 kg/người/ngày; lượng CTRSH phát sinh thấp hơn nhiều so với khu vực đô thị, điển hình: Nông Cống (khoảng 30 tấn/ngày); Hoằng Hóa (khoảng 27 tấn/ngày); Mường Lát (khoảng 2,38 tấn/ngày); Pù Nhi (khoảng 2,07 tấn/ngày); Mường Lý (khoảng 2,06 tấn/ngày).

CTRSH có thành phần đa dạng, không đồng nhất giữa các khu vực do phụ thuộc vào mức sống của người dân và sự phát triển của mỗi vùng, khu vực. Các nghiên cứu của các nhà khoa học cho thấy CTRSH thường có tỷ lệ như sau:

- Đối với nhóm chất thải hữu cơ chiếm khoảng 65% - 70%: Một phần được phân loại để tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón cho cây trồng (chủ yếu tại các hộ gia đình nông thôn và các cửa hàng kinh doanh ăn uống), phần còn lại vẫn thu gom cùng với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế chiếm 30%: Hiện chỉ được phân loại một phần đối với các loại chất thải như: nhựa thải, kim loại thải, giấy thải, thiết bị điện, điện tử, đồ vải để tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Đối với các loại chất thải như thủy tinh thải, đồ gỗ, cao su hầu như chưa được phân loại mà để chung cùng với chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác (CTRSH vô cơ như thủy tinh, kim loại, ... chiếm 7% - 10% và CTRSH nguy hại chiếm 1% - 2%): Việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải nguy hại chưa được quan tâm thực hiện đúng mức. Đối với chất thải vô cơ công kênh, một phần được các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tháo dỡ để tái chế và xử lý, một phần không được tháo dỡ hoặc tháo dỡ không hoàn toàn sau đó vứt bỏ tại các khu vực trống, vắng, gây mất mỹ quan.

2.2. Công tác phân loại

Tại khu vực đô thị, phần lớn, các hộ dân thực hiện việc phân loại CTRSH thành 02 nhóm: (i) Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (nhựa, sắt, thép, giấy báo,...) và (ii) chất thải rắn còn lại (chất thải thực phẩm, chất thải rắn

sinh hoạt khác). Phần chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng được các hộ thu gom, bán phế liệu; phần chất thải rắn còn lại được đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định; chỉ một bộ phận nhỏ các hộ có diện tích đất vườn trồng cây tận dụng một phần CTRSH hữu cơ làm phân bón. Việc phân loại CTRSH nguy hại cũng đã được người dân quan tâm, thu gom vào các chai, hộp nhựa và lưu giữ tại góc kín trong nhà.

Tại khu vực nông thôn, việc thu gom và phân loại CTRSH tại nguồn đã được các địa phương quan tâm, tập trung chỉ đạo với nhiều giải pháp đồng bộ, như: (i) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đến các hộ dân (người dân nâng cao ý thức và chủ động thực hiện); (ii) Triển khai và nhân rộng một số mô hình về phân loại rác, tăng cường tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu CTRSH; (iii) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom và bán cho đơn vị thu gom phế liệu; Các loại chất thải rắn còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định. Đối với chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa và những khu vực chưa có đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom CTRSH, phần lớn được phân loại và xử lý trong khuôn viên gia đình bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp theo hướng dẫn.

Tuy nhiên, hiện nay phân loại CTRSH tại nguồn mới chỉ được thực hiện tại một số địa phương và mang tính khuyến khích, chưa có tính cưỡng chế bắt buộc. Nhiều địa phương thực hiện thí điểm đang nhân rộng mô hình nhưng chưa nhận được nhiều sự ủng hộ của người dân. Mặt khác, các địa phương chưa có thiết bị, phương tiện thu gom riêng đối với từng loại chất thải được phân loại, hầu hết chất thải được vận chuyển chung với các thiết bị, phương tiện khác. Do đó, việc phân loại tại nguồn chưa đạt được kết quả cao.

2.3. Công tác thu gom CTRSH

- Tỷ lệ thu gom và xử lý CTRSH toàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực qua từng năm. Tỷ lệ thu gom tăng dần qua các năm: Năm 2021 đạt 88,99%; năm 2022 đạt 89,02%; năm 2023 đạt 91,80%; năm 2024 đạt 91,20%; năm 2025 đạt mức cao nhất là 93,68%; qua đó tiến gần đến các mục tiêu chiến lược của tỉnh.

- Khu vực đô thị (các phường) là khu vực có tỷ lệ thu gom bình quân cao nhất toàn tỉnh. Hầu hết các phường như: Hạc Thành, Quảng Phú, Đông Quang, Hàm Rồng đều đạt 99,00%; các phường khác như: Sầm Sơn đạt 95%, Bim Sơn đạt 97%, Nghi Sơn đạt 94% cũng duy trì mức thu gom rất tốt.

- Khu vực nông thôn tỷ lệ thu gom thường dao động ổn định từ 90% đến 98%, một số xã điển hình như: Hoàng Hoá đạt 98%, Thiệu Hoá đạt 96%, Yên Định đạt 98%.

- Khu vực miền núi: Đây là khu vực có tỷ lệ thu gom CTRSH thấp nhất, thường chỉ dao động từ 70% đến 82%; một số xã có tỷ lệ thấp tiêu biểu: Mường Chanh đạt 71%, Tam Chung đạt 70%, Mường Lý đạt 70%, Nhi Sơn đạt 70%. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn có một số xã có tỷ lệ thu gom đạt mức khá, như Bá Thước đạt 80,47% hay Ngọc Lặc đạt 86,79%.

Có thể thấy hệ thống thu gom ngày càng hiệu quả, tỷ lệ thu gom chung tăng thêm gần 5% trong vòng 5 năm qua. Khu vực đô thị và đồng bằng đã hình thành được mạng lưới thu gom rất chuyên nghiệp với độ bao phủ gần như hoàn toàn. Tuy nhiên, khoảng cách giữa đô thị (99%) và miền núi (70%) vẫn còn rất lớn (chênh lệch gần 30%). Một số xã như Xuân Thái đạt 62,75% hay Vạn Xuân đạt 67% vẫn là những “vùng lõm” về dịch vụ thu gom CTRSH cần được quan tâm đầu tư hạ tầng trong giai đoạn tới.

2.4. Năng lực thu gom, vận chuyển CTRSH

- Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH: Toàn tỉnh hiện có 39 công ty, 24 hợp tác xã, 91 tổ dịch vụ và 03 hộ gia đình nhận khoán tham gia công tác thu gom, vận chuyển CTRSH với khoảng 4.000 phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH. Các phương tiện phục vụ thu gom, vận chuyển CTRSH tương đối đa dạng từ thủ công, thô sơ đến cơ giới như xe ép rác chuyên dụng, ô tô tải, xe thùng, xe ba bánh ... Các cơ sở hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã và theo cơ chế xã hội hóa.

- Phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH: CTRSH thông thường trên địa bàn tỉnh được thu gom, vận chuyển bằng các phương tiện xe chở rác chuyên dụng, xe ô tô tải, xe đẩy tay. Tại khu vực đô thị mới có các phương tiện chuyên dụng như các thùng chứa CTRSH, các xe chuyên dụng chở CTRSH được các Công ty môi trường đô thị sử dụng, còn tại các vùng nông thôn thường không có các phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Phương tiện thu gom rác gồm các loại: Xe đẩy tay, xe gom rác cải tiến... Phương tiện vận chuyển rác gồm các loại xe: Xe ép rác, ô tô tải, xe công nông, xe tự chế, xe ba bánh, xe kéo,... Hiện nay, số lượng xe được trang bị chưa đáp ứng nhu cầu nên một số địa phương vẫn sử dụng xe tải loại nhỏ, xe công nông, xe kéo hoặc các phương tiện thô sơ khác. Việc thu gom vận chuyển được thực hiện khác nhau giữa đô thị và nông thôn, giữa các địa phương.

+ Tại các phường/khu vực đô thị, CTRSH phát sinh tại các hộ gia đình thông thường được các đơn vị thu gom theo giờ nhất định. Các Công ty môi trường đô thị, đơn vị thu gom dùng xe đẩy tay hờ (loại 0,4 m³ đến 0,6 m³) vận chuyển đến các điểm tập kết hoặc điểm trung chuyển; chất thải rắn từ xe đẩy tay (tại các điểm tập kết, điểm trung chuyển ...) được đưa lên xe ép rác tải trọng 3,5 tấn đến 9,5 tấn rồi vận chuyển đến khu xử lý tập trung.

+ Tại các xã/khu vực nông thôn, nhiều địa phương có các tổ tự quản, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh thu gom chất thải theo tần suất nhất định và chuyển đến điểm tập kết để các công ty môi trường vận chuyển về cơ sở xử lý; tuy nhiên nhiều trường hợp không được thu gom dẫn đến việc hình thành các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực nông thôn.

- Lao động tham gia thu gom, vận chuyển: Theo thống kê có khoảng 1.000 lao động trực tiếp tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thông thường. Trong đó, chủ yếu ở các Công ty: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa (khoảng 200 lao động, lương gồm BHXH từ 9

triệu/tháng đến 15 triệu/tháng); Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn (khoảng 110 lao động, lương gồm BHXH từ 10 triệu/tháng đến 12 triệu/tháng); Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn (khoảng 93 lao động, lương gồm BHXH từ 11 triệu/tháng đến 16 triệu/tháng). Các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển có khoảng 10 đến 20 người, lương gồm BHXH từ 10 triệu/tháng đến 12 triệu/tháng; còn lại các hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường ở xã có số lao động khoảng 3 đến 5 người/đơn vị tùy từng địa phương. Thu nhập của lao động thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đã được quan tâm tăng so với nhiều năm trước tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng chung hiện nay. Tại các hợp tác xã, dịch vụ vệ sinh mức thu nhập thấp hơn nhiều (dao động khoảng 5 triệu/người/tháng đến 7 triệu/người/tháng) do gặp nhiều khó khăn khác nhau trong quá trình thu gom; chi phí bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển của các xã thấp. Đô thị thì tần suất thu gom ngày 1 đến 2 lần, còn khu vực nông thôn, ở các địa phương có diện tích nhỏ tần suất thu gom 1 đến 2 ngày/lần; địa phương có diện tích rộng, phương tiện thiếu thì tần suất thu gom khoảng 3 đến 5 ngày/lần, thậm chí khoảng 1 tuần/lần.

2.5. Hạ tầng thu gom CTRSH

Theo số liệu tổng hợp tại các xã, phường, tổng số điểm tập kết rác hiện nay khoảng 377 điểm với tổng diện tích khoảng 347.700 m². Mạng lưới điểm tập kết đã được hình thành tại hầu hết các xã/phường; quy mô diện tích tương đối phân tán, phần lớn điểm tập kết có diện tích nhỏ hoặc trung bình, phù hợp với mô hình thu gom rác nông thôn. Hệ thống điểm tập kết CTRSH thông thường có sự chênh lệch rất lớn về quy mô diện tích tùy thuộc vào chức năng và địa điểm. Các khu vực có diện tích lớn thường đóng vai trò là bãi rác hoặc khu xử lý liên xã như xã Mùòng Mìn (5.000 m²), xã Yên Định (23.000 m²) ... Các điểm tập kết nhỏ (dưới 200 m²) phổ biến tại các khu vực đô thị như phường Nguyệt Viên, Đông Quang và Quảng Phú... Các điểm này thường nằm rải rác trên các trục đường (như đường Thanh Chương, Trịnh Kiểm) hoặc vỉa hè chợ để thuận tiện cho việc thu gom hàng ngày.

Mức độ đầu tư hạ tầng: Một số điểm đã được xây tường bao và nền bê tông, nhưng vẫn còn nhiều nơi chỉ là bãi đất trống chưa được đầu tư hạng mục che chắn hay ngăn cách với khu vực xung quanh. Khoảng cách từ các điểm tập kết đến khu xử lý tập trung có sự dao động rất lớn, gây áp lực khác nhau lên chi phí vận chuyển.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng thu gom và trung chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh đã được hình thành tương đối rộng, mạng lưới này cơ bản đáp ứng nhu cầu trước mắt và góp phần nâng tỷ lệ thu gom chất thải rắn của tỉnh lên trên 90%. Tuy nhiên, chất lượng hạ tầng còn hạn chế, phần lớn các điểm tập kết là bãi tập kết tạm, chưa được đầu tư đồng bộ về nền bãi, mái che, hệ thống thu gom nước rỉ rác và thiết bị vận hành. Khoảng cách từ điểm tập kết đến các khu xử lý tập trung còn khá xa, đặc biệt tại các khu vực miền núi, dẫn đến chi phí vận chuyển cao và giảm hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển chất thải. Trong khi đó, mức phí vệ sinh môi trường (giá dịch vụ thu gom, vận chuyển) thu từ các hộ

gia đình hiện nay mới chỉ chi trả được một phần cho hoạt động thu gom chất thải, không đủ để chi trả cũng như duy trì cho hoạt động vận chuyển. Ngoài ra, năng lực vận chuyển của một số địa phương còn hạn chế, phương tiện vận chuyển còn gây rò rỉ, rơi vãi chất thải trong quá trình vận chuyển.

2.6. Công tác xử lý CTRSH

2.6.1. Hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ thu gom và xử lý chung đã được nâng cao đáng kể từ 88,99% lên 93,68%. Cơ cấu công nghệ xử lý CTRSH tại tỉnh Thanh Hoá đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ phương pháp chôn lấp sang tái chế và làm mùn vi sinh, trong khi công nghệ đốt duy trì ở mức ổn định.

Xử lý bằng công nghệ chôn lấp có xu hướng giảm mạnh, đây là thay đổi tích cực nhất trong cơ cấu xử lý chất thải của tỉnh. Tỷ lệ giảm liên tục từ mức chiếm ưu thế tuyệt đối là 71,97% vào năm 2021, tỷ lệ chôn lấp đã giảm dần qua các năm (71% năm 2022; 68% năm 2023; 62,6% năm 2024) và xuống còn 49,58% tổng khối lượng vào năm 2025. Việc giảm hơn 22% tỷ lệ chôn lấp trong vòng 5 năm cho thấy sự nỗ lực của tỉnh trong việc giảm thiểu ô nhiễm đất và tiết kiệm tài nguyên quỹ đất, phù hợp với định hướng hạn chế tối đa việc chôn lấp trực tiếp đã đặt ra trong các đề án trước đó.

Xử lý bằng giải pháp tái chế và làm mùn vi sinh có sự đột phá, đóng vai trò là động lực chính thay thế cho việc chôn lấp. Từ mức khởi điểm rất thấp là 0,40% năm 2021, tỷ lệ này đã tăng lên 23,72% vào năm 2025. Tỷ lệ này bắt đầu tăng nhanh từ năm 2024 (12%) và đạt mức gần 1/4 tổng lượng rác được xử lý vào năm 2025. Sự chuyển dịch tỷ lệ xử lý này chứng tỏ hiệu quả của việc triển khai các chương trình phân loại rác tại nguồn đang đi đúng hướng.

Xử lý bằng công nghệ đốt duy trì ổn định, không có sự biến động lớn, luôn duy trì trong khoảng từ 25,40% đến 27,63%. Năm 2021 đạt 27,63%, giảm nhẹ vào năm 2024 (25,40%) và đạt 26,70% vào năm 2025. Công nghệ đốt hiện đóng vai trò là phương pháp hỗ trợ quan trọng, xử lý khoảng hơn 1/4 tổng lượng rác thu gom, giúp tiêu hủy nhanh và giảm thể tích CTRSH đáng kể.

2.6.2. Hạ tầng và công nghệ xử lý CTRSH

a) Xử lý bằng phương pháp chôn lấp

Trên địa bàn tỉnh có 21 khu chôn lấp tập trung quy mô cấp huyện trước đây. Các khu chôn lấp này được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện. Hiện nay, có 4 khu đã dừng tiếp nhận rác và 17 khu đang hoạt động (trong đó, 03/17 khu chuyển đổi công nghệ sang hình thức không chôn lấp trực tiếp, 08/17 khu chưa quá tải đang tiếp nhận rác, 06/17 khu đã quá tải). Ngoài ra, còn có khoảng hơn 92 khu chôn lấp CTRSH cấp xã (quy mô nhỏ) hoặc tự phát (trong đó có 46 khu chôn lấp quá tải).

Tổng diện tích của 21 khu chôn lấp là 59,92 ha, tổng lượng rác đang lưu chứa gần 4 triệu tấn. Trong đó, diện tích 17 khu chôn lấp đang hoạt động hiện nay là 40,02 ha, lượng rác hiện tại đang lưu chứa 2,26 triệu tấn rác; các khu

chôn lấp hiện đang tiếp nhận trung bình 591 tấn/ngày, chiếm khoảng 25% lượng rác của toàn tỉnh. Ngoài các khu chôn lấp CTRSH tập trung, còn 92 khu chôn lấp CTRSH nhỏ lẻ ở các xã với tổng công suất xử lý 597,86 tấn/ngày. Tổng lượng rác xử lý bằng biện pháp chôn lấp trên địa bàn tỉnh là 1.170,86 tấn/ngày (chiếm 49,58% tổng khối lượng CTRSH được xử lý).

Hiện nay tại các bãi rác quy mô lớn (cấp huyện trước đây) là đang trong tình trạng quá tải hoặc gần quá tải không còn khả năng tiếp nhận CTRSH, điển hình là: Bãi chôn lấp CTRSH phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn (nay là phường Bỉm Sơn); Bãi chôn lấp CTRSH phường Trung Sơn, TP Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn); ...

Hoạt động xử lý rác chủ yếu là đổ đống, đầm nén, phun hóa chất diệt côn trùng, khử mùi nên chưa được xử lý triệt để. Phần lớn các bãi chôn lấp hiện tiếp nhận CTRSH chưa được phân loại tại nguồn, có thành phần hữu cơ cao nên tính ổn định thấp, chiếm nhiều diện tích đất, phát sinh lượng lớn nước rỉ rác; nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe, hoạt động sản xuất của cộng đồng xung quanh.

b) Xử lý bằng phương pháp đốt

Trên địa bàn tỉnh đã đầu tư 23 khu xử lý bằng lò đốt thủ công với tổng số lò đốt là 24 lò, trung bình từ 10 tấn/ngày đến 20 tấn/ngày; trong đó: 07 khu xử lý đang hoạt động với 8 lò đốt (xã Nga Thắng có 2 lò đốt) và 16 khu xử lý đã dừng hoạt động; cụ thể như sau:

- 07 khu xử lý đang hoạt động, gồm: 05 khu xử lý tại các xã: Nga Thắng, Hoa Lộc (thôn Giữa), Nông Cống, Xuân Giang, Định Công có thể duy trì, cải tạo, nâng cấp các lò đốt để hoạt động nâng công suất nhằm xử lý hiệu quả CTRSH trong thời gian chờ các khu xử lý lớn của tỉnh đi vào hoạt động; khu xử lý tại xã Hoàng Tiến có khoảng cách khá gần với khu dân cư, đề nghị tiếp tục duy trì cho đến khi có phương án mới; khu xử lý tại xã Hoàng Hóa thuộc quy hoạch khu đô thị của xã, đề nghị tiếp tục duy trì cho đến khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Tổng công suất thiết kế 210 tấn/ngày; công suất xử lý thực tế 192 tấn/ngày. Hiện nay có một số khu lò đốt đã được đơn vị quản lý chuyển đổi sang mô hình ủ mùn vi sinh kết hợp phân loại rác trước khi đưa vào đốt. Mô hình này bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, giúp duy trì ổn định hoạt động của lò đốt và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Điển hình như tại xã Nông Cống và xã Nga Thắng, việc áp dụng mô hình trên cho thấy khả năng nâng cao công suất và hiệu quả xử lý CTRSH.

- 16 khu xử lý hiện không hoạt động, gồm:

- + 03 khu xử lý không hoạt động do Cơ quan công an điều tra, làm việc, doanh nghiệp không tiếp tục hoạt động (khu xử lý tại xã Hòa Lộc cũ (nay là xã Hoa Lộc), hiện Công an tỉnh đang điều tra; 02 khu xử lý Doanh nghiệp không có nguyện vọng tiếp tục hoạt động (Công ty cổ phần xây dựng môi trường xanh sạch đẹp Thành Tâm tại xã Yên Định; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ môi trường tại xã Lưu Vệ).

+ 07 khu xử lý UBND xã đề nghị dừng hoàn toàn hoạt động (tại xã Định Tân và xã Yên Trường, UBND xã đề nghị dừng hoạt động do quá trình hoạt động có nhiều kiến nghị của người dân, UBND xã đã hợp đồng với Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại BIMIVINA xử lý CTRSH cho xã; tại xã Quảng Bình do xung quanh quy hoạch khu hành chính và CCN; tại phường Tân Dân do CTRSH chuyển đến Công ty Cổ phần môi trường Nghi Sơn xử lý; xã Thọ Xuân (xã Xuân Trường và Xuân Thành trước đây) do hư hỏng không đốt được rác ướt; xã Kim Tân chuyển sang mô hình ủ mùn vi sinh).

+ 05 khu xử lý UBND xã đề nghị cải tạo nâng cấp hoặc kêu gọi đầu tư, mở rộng (03 khu (tại xã Yên Ninh; xã Thường Xuân; xã Xuân Bình) UBND xã đề nghị cấp kinh phí để cải tạo, nâng cấp lò đốt; 01 khu (tại xã Triệu Lộc) UBND xã đề xuất kêu gọi đầu tư mở rộng khu xử lý, Sở đã báo cáo đưa vào Dự thảo điều chỉnh quy hoạch tỉnh; 01 khu (tại xã Định Bình, nay là xã Định Hòa), UBND xã đề nghị xem xét cải tạo lò đốt và mời đơn vị xử lý theo hình thức hỗn hợp.

+ 01 lò đốt (tại xã Như Thanh) UBND xã Như Thanh và Doanh nghiệp đề nghị được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ để tiếp tục hoạt động.

Ngoài ra, các lò đốt quy mô lớn do các doanh nghiệp tư nhân đầu tư, vận hành, nổi bật có 02 lò đốt của 02 doanh nghiệp tư nhân đầu tư với công suất thiết kế 220 tấn/ngày.đêm (thực tế hoạt động 180 tấn/ngày), cụ thể:

- Khu xử lý chất thải Nghi Sơn tại xã Trường Lâm (giai đoạn 1): Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt với công suất 120 tấn/ngày đêm, hoạt động ổn định từ tháng 6 năm 2021, hiện đang xử lý rác thải sinh hoạt bình thường. Ngày 08/9/2025, Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn đã được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khu xử lý chất thải tập trung Nghi Sơn tại Khu kinh tế Nghi Sơn tại Quyết định số 3000/QĐ-UBND công suất xử lý chất thải rắn sinh hoạt 620 tấn/ngày gồm 01 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 120 tấn/ngày và 01 lò đốt rác công suất 500 tấn/ngày, phát điện 12 MW. Hiện Công ty đang triển khai thực hiện dự án.

- Nhà máy xử lý chất thải Vĩnh Lộc: Do Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Bimivina đầu tư hiện có 01 lò đốt rác thải sinh hoạt chính công suất thiết kế 100 tấn/ngày và 01 lò đốt dự phòng, công suất 50 tấn/ngày, đi vào hoạt động từ tháng 01/2020, đang hoạt động với công suất 70 tấn/ngày đến 75 tấn/ngày phục vụ xử lý rác thải cho các xã Vĩnh Lộc, Biện Thượng, Tây Đô và tiếp nhận rác thải của xã phụ cận (xã Định Tân, Yên Định). Công ty dự kiến tiếp tục đầu tư 01 lò đốt rác có công suất 50 tấn/ngày để đảm bảo nhà máy vận hành liên tục cả trong trường hợp lượng rác về nhà máy vượt quá công suất tiếp nhận.

Hiện các lò đốt quy mô lớn đang hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu xử lý. Tuy nhiên, các lò đốt quy mô nhỏ đang gặp thách thức lớn khi nhiều cơ sở đã dừng hoạt động do xuống cấp (Thường Xuân, Yên Trường...) hoặc gặp rào cản về pháp lý (Yên Định, Như Thanh). Mặt khác, các lò đốt có công suất xử lý rác nhỏ (dưới 10 tấn/ngày), được sản xuất và lắp ráp trong nước, chưa lắp đặt đầy đủ hệ thống cấp rác tự động, điều chỉnh nhiệt độ lò đốt và hệ thống xử lý khí thải; quá trình vận hành chủ yếu là thủ công, khó kiểm soát việc phát thải.

c) Xử lý bằng phương pháp ủ vi sinh, tái chế

Trong những năm gần đây, tỷ lệ CTRSH được tái chế tăng mạnh: năm 2021 tỷ lệ này chỉ ở mức không đáng kể là 0,40%; đến năm 2025, tỷ lệ này đã tăng lên 23,72%, giảm đáng kể lượng CTRSH phải đưa đi xử lý. Đây là động lực chính thay thế cho chôn lấp. Đặc biệt trong năm 2025, qua thống kê của các xã, phường, việc tái chế không chỉ dừng lại ở việc tái sử dụng CTRSH mà còn sử dụng chất thải thực phẩm làm mùn vi sinh. Tỷ lệ tái sử dụng và tái chế năm 2025 đạt 11,11% (khoảng 95.781,28 tấn/năm); tỷ lệ chất thải thực phẩm làm mùn vi sinh đạt 12,61% (khoảng 108.717,82 tấn/năm). Tỷ lệ này có sự khác biệt lớn giữa các khu vực, tại khu vực nông thôn tỷ lệ này cao hơn khu vực đô thị:

- Tại các phường nội thành như Hạc Thành, Quảng Phú, tỷ lệ tái chế, tái sử dụng đạt khoảng 9,09%, trong khi đó, ở một số xã nông thôn như Nga An hay Tân Tiên, tỷ lệ này ghi nhận mức rất cao, lên tới 52,28% - 52,30%.

- Tại các khu vực đô thị, tỷ lệ chất thải thực phẩm làm mùn vi sinh thường dao động từ 3,03% (phường Hạc Thành) đến 5,26% (phường Sầm Sơn), một số khu vực như xã Quảng Yên đạt tỷ lệ 10,52%. Đặc biệt, tại các địa phương đang áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến như thị xã Nghi Sơn (các xã Ngọc Sơn, Tân Dân...), tỷ lệ này đạt ổn định ở mức 5,32%.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 02 khu xử lý CTRSH thông thường bằng công nghệ ủ vi sinh với công suất từ 600 tấn/ngày đến 650 tấn/ngày, cụ thể:

- Nhà máy xử lý CTRSH Đông Nam tại phường Đông Quang do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ môi trường Ecotech làm chủ đầu tư với công suất 500 tấn/ngày sử dụng công nghệ hỗn hợp (sản xuất phân hữu cơ, tái chế phế liệu, đốt, chôn lấp tro xỉ và rác tro). Hiện nay, nhà máy mới vận hành dây chuyền phân loại rác, ủ mùn hữu cơ cung cấp cho cơ sở sản xuất phân bón và thu hồi nguyên liệu đốt cung cấp cho nhà máy sản xuất xi măng. Nhược điểm của công nghệ này là chưa khống chế mùi hôi được một cách triệt để.

- Mô hình thí điểm của Công ty cổ phần Xây dựng môi trường DM “Xử lý CTRSH bằng thiết bị tự động kết hợp với công nghệ vi sinh” tại trạm xử lý CTRSH tại Đồi Cà, Thôn Đự, xã Kim Tân. Quy mô công suất xử lý từ 100 tấn/ngày đến 150 tấn/ngày, công nghệ là quy trình ủ men vi sinh. Rác được ủ đồng từ 30 ngày đến 45 ngày bằng men vi sinh sau đó được nạp vào hệ thống máy phân loại tự động thành 03 dòng sản phẩm: Mùn hữu cơ, CTRSH vô cơ, nilon, nhựa và rác hữu cơ không thể tái chế. CTRSH vô cơ đưa đi san lấp hoặc san lấp mặt bằng; nilon và nhựa đưa đi tái chế thành hạt nhựa; mùn hữu cơ đưa đi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ phục vụ trồng trọt.

2.7. Kinh phí và chính sách hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Ngày 04/7/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; theo đó, giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH (đã

bao gồm thuế giá trị gia tăng) áp dụng cho đối tượng hộ gia đình, cá nhân không có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ thu với mức giá 11.000 đồng/người/tháng; khu vực nông thôn vùng đồng bằng, trung du, ven biển thu với mức giá 6.000 đồng/người/tháng; khu vực nông thôn miền núi khó khăn thu với mức giá 4.000 đồng/người/tháng.

Giá dịch vụ tối đa xử lý CTRSH áp dụng cho 02 đối tượng như sau:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ từ nguồn ngân sách tỉnh dựa trên ba nhóm công nghệ chính gồm: Công nghệ đốt: 210.000 đồng/m³; công nghệ hỗn hợp (chế biến phân vi sinh, tái chế kết hợp đốt): 170.000 đồng/m³; công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh: 70.000 đồng/m³.

- Nhà đầu tư tại khu xử lý (tính theo tấn) gồm: Xử lý bằng công nghệ đốt với mức 480.000 đồng/tấn (thiết bị nước ngoài) và 440.000 đồng/tấn (thiết bị trong nước); xử lý bằng công nghệ hỗn hợp: Mức giá dao động từ 300.000 đồng/tấn đến 390.000 đồng/tấn; xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh: mức giá là 140.000 đồng/tấn nếu có tính khấu hao và 130.000 đồng/tấn nếu không tính khấu hao.

Để khuyến khích đầu tư các dự án xử lý CTRSH với công nghệ tiên tiến hiện đại, hạn chế chôn lấp; ngày 12/12/2019, HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025, sửa đổi tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 21/7/2025.

Sau hơn 04 năm thực hiện, Nghị quyết đã góp phần hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do CTRSH gây ra, tỷ lệ CTRSH được thu gom xử lý tăng dần qua các năm; đồng thời, đã giảm số lượng các bãi chôn lấp rác tạm thời và các bãi rác ô nhiễm môi trường ở các xã.

Trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/6/2025, UBND tỉnh ban hành các quyết định phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ xử lý CTRSH cho các huyện, thị xã: Nghi Sơn, Nông Cống, Như Thanh, Yên Định, Vĩnh Lộc, Lang Chánh, Quan Sơn, Mường Lát và thành phố Thanh Hóa (cũ) với tổng số tiền là 176.413,4 triệu đồng.

2.8. Phân tích cơ sở thực tiễn xây dựng Đề án

Thực tiễn cho thấy, nền kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đang có những biến động sâu sắc dẫn đến nhiều thách thức cấp bách về môi trường mà tỉnh phải đối mặt trong thời gian tới.

Áp lực từ tốc độ đô thị hóa và dịch chuyển cơ cấu kinh tế đã làm tăng đáng kể khối lượng CTRSH và sản phẩm dùng một lần khiến thành phần CTRSH trở nên đa dạng và khó xử lý hơn; thời gian tới, lượng rác sẽ ngày càng gia tăng tạo áp lực lớn lên hệ thống hạ tầng xử lý CTRSH đang quá tải hiện nay. Mặc dù hệ thống thu gom của tỉnh đã đạt được những bước tiến dài khi nâng tỷ lệ thu gom toàn tỉnh lên 93,68% vào năm 2025. Tuy nhiên, thực tế mạng lưới này vẫn bộc lộ những bất cập mang tính hệ thống: Hạ tầng điểm tập kết yếu

kém, phần lớn các điểm tập kết là bãi tạm, tận dụng lề đường, vỉa hè, không được đầu tư bài bản gây ô nhiễm thứ cấp; phương tiện thu gom chưa đồng bộ chủ yếu vẫn sử dụng xe thô sơ trong khu vực nông thôn để vận chuyển.

Vấn đề quan trọng cấp bách đáng quan tâm nhất hiện nay là hạ tầng xử lý CTRSH đang quá tải và xuống cấp. Hầu hết các bãi chôn lấp hiện nay đang hết khả năng tiếp nhận, lượng rác tồn lưu lớn cùng với công nghệ xử lý lạc hậu chủ yếu là đổ đống, phun khử mùi khiến nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, đất là rất lớn. Việc đầu tư dàn trải các lò đốt CTRSH quy mô nhỏ tại cấp xã trong thời gian qua nhìn chung chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng, đồng thời phát sinh nhiều bất cập trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Phần lớn các công trình có công suất nhỏ, công nghệ xử lý đơn giản, chưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về nhiệt độ đốt và hệ thống xử lý khí thải, dẫn đến hiệu quả xử lý thấp, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh ô nhiễm thứ cấp trong khi các nhà máy xử lý rác lớn (Đông Quang, Bim Sơn) triển khai chậm hơn so với nhu cầu thực tế cho thấy sự mong manh của hệ thống quản lý hiện tại. Tình trạng phát sinh rác tăng đột biến vào những dịp cao điểm như Tết, ngày nghỉ lễ dẫn đến vượt quá công suất xử lý của các nhà máy rác cũng dẫn đến tình trạng gây ô nhiễm môi trường khi các nhà máy chưa kịp thời có các phương án dự phòng. Điển hình như tình trạng Nhà máy rác Đông Nam tại phường Đông Quang đã xảy ra vừa qua trong dịp sau Tết 2026.

Cơ chế tài chính và mô hình quản lý hiện nay cũng đang bộc lộ nhiều bất cập. Giá dịch vụ thu gom hiện nay (4.000 đồng/người đến 11.000 đồng/người) chỉ đủ chi trả một phần chi phí thu gom tại chỗ, không đủ để duy trì vận chuyển rác đi xa về các khu xử lý tập trung. Việc chuyển đổi từ chính quyền cấp huyện sang mô hình quản lý hai cấp làm phát sinh các lúng túng trong việc thanh quyết toán và điều phối rác liên xã, liên huyện.

Từ những thực tiễn nêu trên cho thấy, công tác quản lý CTRSH hiện nay của tỉnh Thanh Hóa đang cần có các giải pháp đồng bộ, cấp bách để hiện đại hóa công nghệ, đóng cửa các bãi rác ô nhiễm và hoàn thiện cơ chế tài chính cho giai đoạn 2026 - 2030.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ thu gom và xử lý chung đã được nâng cao đáng kể từ 88,99% lên 93,68%; mạng lưới thu gom được mở rộng, công nghệ xử lý có bước chuyển dịch theo hướng giảm chôn lấp và tăng cường tái chế, góp phần cải thiện môi trường và nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Việc triển khai phân loại rác gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh bước đầu đã mang lại nhiều kết quả tốt, nhất là khu vực nông thôn; ý thức của người dân dần được tăng lên, tình trạng vứt rác bừa bãi giảm đáng kể. Hệ thống chính sách ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho các hoạt động xử lý môi trường; tổng kinh phí

hỗ trợ xử lý CTRSH giai đoạn 2020 - 2025 lên tới 176.413,4 triệu đồng, ngày càng tăng cao hơn so với giai đoạn trước góp phần giảm số lượng các bãi chôn lấp rác tạm thời và các bãi rác gây ô nhiễm tại khu vực nông thôn.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Trong công tác phân loại và tái chế

- Việc phân loại và tái chế CTRSH chưa có sự đồng bộ. Rác sau phân loại vẫn bị thu gom chung dẫn đến hiệu quả phân loại tại nguồn rất thấp. Hiện nay, việc phân loại rác mới chỉ mang tính khuyến khích, chưa có tính cưỡng chế cao và chủ yếu tập trung vào các phế liệu có giá trị kinh tế.

- Công nghệ tái chế hiện nay đang bộc lộ nhược điểm là phát sinh nhiều mùi hôi, không phù hợp với các nhà máy xử lý có vị trí gần khu dân cư. Điển hình là Nhà máy xử lý rác tại phường Đông Quang, từ ngày 01/01/2026 đến nay đã 03 lần người dân tập trung phản đối do phát tán ra khu vực dân cư xung quanh, đến nay Nhà máy đang xin dừng tiếp nhận rác từ ngày 15/5/2026 để nghiên cứu thay đổi công nghệ nhằm xử lý triệt để mùi phát sinh.

2.2. Trong công tác thu gom và vận chuyển

- Tỷ lệ thu gom CTRSH giữa đô thị và miền núi có khoảng chênh lệch lớn; đặc biệt tại các xã vùng sâu vùng xa, địa hình phức tạp, mật độ dân số thưa thớt, tỷ lệ thu gom là khá thấp.

- Phương tiện, trang thiết bị và lực lượng tham gia công tác thu gom, vận chuyển chưa đáp ứng nhu cầu hiện nay. Chủ yếu các phường, các công ty môi trường đô thị đầu tư xe cuốn, ép rác chuyên dụng, còn lại khu vực nông thôn chủ yếu sử dụng xe đẩy tay, xe tự chế hoặc xe công nông để vận chuyển rác.

- Hạ tầng các điểm tập kết chưa đạt chuẩn; hầu hết là bãi tập kết tạm, chưa được đầu tư nền bãi, mái che hay hệ thống thu gom nước rỉ rác; một số điểm đã rơi vào tình trạng quá tải; một số nơi xảy ra tình trạng đốt rác thủ công tại các điểm trung chuyển.

2.3. Công tác xử lý và hạ tầng xử lý CTRSH

- Tình trạng các khu xử lý CTRSH bằng công nghệ chôn lấp bị quá tải đang diễn ra tại hầu hết các địa phương. Phần lớn các bãi chôn lấp tập trung đã hết khả năng tiếp nhận, nước rỉ rác không được thu gom xử lý tiềm ẩn nhiều nguy cơ ô nhiễm.

- Các dự án trọng điểm, liên huyện đã được chấp thuận chủ trương thực hiện triển khai chậm tiến độ so với kế hoạch do nhiều nguyên nhân khác nhau, dẫn đến tình trạng dự án cũ thì đã quá tải, dự án mới chưa được triển khai.

- Các lò đốt quy mô xã đang xuống cấp. Các lò đã dừng hoạt động do hư hỏng hoặc không có kinh phí vận hành; một số lò đang hoạt động nhưng không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm.

- Công nghệ xử lý hiện tại vẫn còn lạc hậu, chưa có công nghệ tiên tiến hiện đại được áp dụng. Việc xử lý chủ yếu vẫn là đổ đống, phun hóa chất khử

mùi nên chưa triệt để, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến khu dân cư.

2.4. Bất cập về cơ chế tài chính và nguồn nhân lực

- Số lượng các địa phương được thụ hưởng chính sách hỗ trợ còn ít. Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025 quy định ngân sách tỉnh hỗ trợ các địa phương kinh phí xử lý CTRSH bằng lò đốt có công suất từ 50 tấn/ngày trở lên. Do vậy, các lò đốt nhỏ, các bãi chôn lấp rác nhỏ ở các xã đều không được hỗ trợ kinh phí.

- Kinh phí vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thiếu hụt. Mức phí vệ sinh môi trường thu từ hộ gia đình hiện chỉ đủ chi trả một phần cho hoạt động thu gom, không đủ để duy trì hoạt động vận chuyển rác đi xa.

- Xã hội hoá dịch vụ môi trường còn chậm, hình thức hợp tác công – tư trong đầu tư các khu xử lý khó được triển khai do các thủ tục pháp lý còn phức tạp, cơ chế xã hội hoá chưa tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào xử lý CTRSH, chưa huy động được sự tham gia của cộng đồng dân cư ...

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Áp lực từ phát triển kinh tế và dân số: Sự gia tăng dân số nhanh chóng, quá trình đô thị hoá mạnh mẽ cùng với sự phát triển về công nghiệp, dịch vụ, du lịch... đã tạo ra áp lực lớn lên hạ tầng quản lý chất thải. Xu hướng tiêu dùng các sản phẩm dùng một lần tăng cao khiến khối lượng CTRSH khó phân huỷ phát sinh ngày càng nhiều, thành phần CTRSH ngày càng đa dạng.

- Hệ thống văn bản pháp luật thay đổi liên tục: Các quy định pháp lý về quản lý CTRSH thường xuyên thay đổi, tạo ra thách thức lớn cho địa phương trong việc cập nhật và thực thi đồng bộ.

- Đặc thù địa hình và khoảng cách vận chuyển: Tại các xã miền núi hoặc khu vực xa trung tâm, rác phải vận chuyển quãng đường rất xa, từ 25 km đến hơn 35 km mới đến được khu xử lý tập trung trong khi mật độ dân cư thì thưa thớt. Điều này dẫn đến thu không bù chi và là rào cản lớn đối với việc bao phủ dịch vụ tại các vùng sâu, vùng xa.

- Thay đổi mô hình quản lý hành chính: Việc chuyển đổi từ mô hình quản lý cấp huyện sang chính quyền hai cấp (giao về cho xã/phường quản lý, vận hành khu xử lý tập trung) khiến cơ chế phối hợp và thanh, quyết toán chi phí xử lý CTRSH chưa được hướng dẫn rõ ràng, kịp thời.

- Công tác lựa chọn địa điểm xây dựng các khu xử lý chất thải rắn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân khu vực lân cận, phát sinh ý kiến chưa đồng thuận của người dân.

- Các dự án xử lý rác tập trung đã được chấp thuận chủ trương đầu tư chậm tiến độ do nhà đầu tư chưa tập trung nguồn lực sớm các hồ sơ thủ tục liên

quan để triển khai dự án; chưa nghiên cứu kỹ công nghệ thực hiện dự án dẫn đến mất nhiều thời gian để khảo sát, lựa chọn giải pháp thiết kế, công nghệ cùng với việc vướng mắc trong khâu bồi thường giải phóng mặt bằng trong khi không thể kêu gọi các nhà đầu tư mới do lượng rác phát sinh trên địa bàn toàn tỉnh đã phù hợp với số dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Một số nhà đầu tư (có cam kết chỉ đầu tư ngắn hạn cho đến khi các nhà máy lớn đi vào vận hành chính thức sẽ dừng hoạt động) mong muốn tiếp nhận để quản lý, vận hành khu xử lý chất thải của các huyện đã đầu tư trước đây nhưng còn vướng mắc về các thủ tục liên quan đến việc thanh toán vốn đầu tư của ngân sách nhà nước.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường, UBND các cấp lựa chọn cơ sở xử lý CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thực hiện theo hình thức đấu thầu đang gặp không ít khó khăn do nguồn kinh phí của các xã/phường ngay từ đầu năm để đấu thầu cho hoạt động xử lý CTRSH là không có hoặc không đủ.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quản lý CTRSH chưa chú trọng đúng mức đến kinh tế tuần hoàn, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ chất thải. Việc phân loại rác tại nguồn hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ khuyến khích, chưa có tính cưỡng chế cao đối với người dân.

- Việc phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh để xây dựng hạ tầng thu gom CTRSH và các khu xử lý tập trung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Việc quy hoạch các khu xử lý rác theo phạm vi mỗi huyện tối thiểu 1 khu xử lý rác (trước đây) đến nay khi thực hiện chính quyền 2 cấp đã bộc lộ nhiều điểm bất cập. Các xã tiếp nhận và quản lý các khu xử lý rác hiện hữu này cơ bản chỉ muốn xử lý rác cho xã đó, không muốn xử lý rác cho các xã khác, đặc biệt khi các khu xử lý rác đang rơi vào tình trạng quá tải hoặc gần quá tải.

- Vốn ngân sách bố trí cho sự nghiệp môi trường nói chung và cho xử lý CTRSH nói riêng còn thấp. Kinh phí dành cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH chủ yếu từ 02 nguồn: (1) Từ nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH; (2) Từ nguồn ngân sách nhà nước.

Đối với nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH: Theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách, mức thu ở khu vực đô thị là 11.000 đồng/người/tháng, ở khu vực nông thôn vùng đồng bằng, trung du, ven biển là 6.000 đồng/người/tháng, ở khu vực nông thôn miền núi khó khăn là 4.000 đồng/người/tháng; các đối tượng khác, mức giá áp dụng theo các bậc, mức khác nhau tùy thuộc vào quy mô, tính chất, loại hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung, mức giá này còn

thấp, trong khi việc thu còn rất khó khăn, nên việc trang trải cho chi phí hoạt động là không ổn định.

Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Hiện chưa có cơ chế hỗ trợ riêng cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp hợp vệ sinh mà chủ yếu được lấy từ trong tổng nguồn chi sự nghiệp môi trường được phân bổ cho các địa phương theo các Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND, định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường hàng năm cho các xã (cũ) là 82 triệu đồng/năm (đảm bảo tối thiểu cấp 200 triệu/xã/năm) cho tất cả các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn xã; chưa bảo đảm nguồn lực để tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH ở các địa phương khác nhau, địa phương nào quan tâm dành phần phân nhiều mức phân bổ hàng năm từ nguồn sự nghiệp môi trường cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thì chất lượng công tác quản lý CTRSH ở địa phương ấy được tốt hơn.

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý, vận hành các khu xử lý chất thải; việc kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường chưa được thực hiện thường xuyên.

IV. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân từ 11%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.900 USD; kinh tế số đóng góp khoảng 30% GRDP, trở thành động lực tăng trưởng quan trọng. Cùng với quá trình đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội, khối lượng CTRSH phát sinh ngày càng lớn, gây áp lực đáng kể lên hệ thống hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý và môi trường. Tuy nhiên, công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh hiện vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như đã đề cập ở trên.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ CTRSH được thu gom, xử lý đạt 95%. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhưng có tính thách thức cao, đòi hỏi phải có lộ trình, giải pháp đồng bộ và sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành.

Từ những cơ sở nêu trên, việc xây dựng và ban hành Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 là hết sức cần thiết và cấp bách. Đề án sẽ là cơ sở để xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành; từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

PHẦN THỨ II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng của tỉnh hàng năm ở mức 02 con số, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của cả nước về công nghiệp, năng lượng cùng với sự gia tăng dân số, đô thị hoá nhanh chóng đã và đang làm tăng lượng chất thải sinh hoạt, gây sức ép lớn lên hạ tầng quản lý chất thải và ô nhiễm môi trường. Dự báo giai đoạn từ năm 2026 - 2030, công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh sẽ đối diện với một số vấn đề khó khăn, bất cập như sau:

- Gia tăng lượng CTRSH cần xử lý: Theo quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tốc độ tăng dân số trung bình toàn tỉnh khoảng 0,5%/năm đến 0,75%/năm; tỷ lệ đô thị hoá dự kiến đến năm 2030 đạt 50%; ước tính lượng CTRSH phát sinh tăng trung bình 5% đến 6% mỗi năm; định mức phát sinh CTRSH đối với đô thị từ 0,9 kg/người.ngày đến 1,1 kg/người.ngày; đối với khu vực nông thôn là 0,5 kg/người.ngày đến 0,6 kg/người.ngày; theo đó, tổng lượng rác phát sinh toàn tỉnh được dự báo sẽ tăng từ 2.521,04 tấn/ngày vào năm 2025 lên mức 3.294,9 tấn/ngày vào năm 2030.

- Tình trạng quá tải tại các khu xử lý CTRSH: Hiện nay hạ tầng xử lý CTRSH chưa theo kịp tốc độ CTRSH gia tăng, phát sinh. Trong trường hợp các nhà máy xử lý quy mô lớn chậm tiến độ đầu tư, vận hành không ổn định, không đảm bảo năng lực hoặc phát sinh sự cố môi trường, sẽ dẫn đến nguy cơ thiếu hụt công suất xử lý. Khi đó, hạ tầng hiện hữu, đặc biệt là các ô chôn lấp không đủ khả năng tiếp nhận bổ sung, làm gia tăng nguy cơ CTRSH không được thu gom và xử lý kịp thời.

- Các dự án đầu tư xử lý CTRSH trọng điểm không đảm bảo tiến độ đầu tư: Quá trình đầu tư các dự án xử lý hiện đang gặp không ít khó khăn do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau. Trong giai đoạn tới, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật dự kiến sẽ được điều chỉnh, hoàn thiện theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, dẫn đến sự thay đổi về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư. Điều này có thể tiếp tục ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án nếu không được hướng dẫn kịp thời, thống nhất. Bên cạnh đó, yêu cầu ngày càng cao về công nghệ xử lý, tiêu chuẩn môi trường và sự đồng thuận của người dân cũng đặt ra thêm thách thức đối với việc triển khai các dự án xử lý CTRSH.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp CTRSH: Hiện lượng CTRSH đang lưu chứa và tồn đọng tại các bãi chôn lấp CTRSH trên địa bàn tỉnh ước tính lên đến hơn 4 triệu tấn. Hiện nay, các bãi chôn lấp vẫn đang tiếp tục hoạt động trong khi chờ các dự án lớn đầu tư, xây dựng do đó lượng CTRSH tiếp nhận hằng ngày vẫn tiếp tục gia tăng. Công nghệ chôn lấp lạc hậu, chủ yếu đổ đồng, đầm nén, phun hóa chất diệt côn trùng, khử mùi nên hầu hết CTRSH chưa được xử lý triệt để, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường gây mất cảnh quan, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Quan điểm

- Nâng cao công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với CTRSH, gắn với trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và trách nhiệm của toàn xã hội.

- Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng; đẩy mạnh áp dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng; từng bước hạn chế chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt.

- Công tác quản lý, thu gom, xử lý CTRSH từng bước hướng đến nguyên tắc: cơ quan, tổ chức cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường;

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Định hướng quản lý CTRSH theo mô hình kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải; từng bước coi chất thải là tài nguyên, giảm thiểu phát sinh chất thải phải xử lý cuối cùng, góp phần tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Mục tiêu chung

Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đảm bảo tỷ lệ CTRSH được thu gom, xử lý đạt từ 95% trở lên vào năm 2030; trong đó, khu vực đô thị đạt 97% trở lên, khu vực nông thôn đạt 93% trở lên. Không để xảy ra tình trạng ứ đọng CTRSH trong khu dân cư đặc biệt là các khu đô thị.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về thu gom, vận chuyển

- 100% các xã/phường bố trí các điểm tập kết CTRSH từ các hộ gia đình, cá nhân đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đáp ứng nhu cầu của địa phương; bố trí các điểm trung chuyển CTRSH phù hợp với khoảng cách đến các nhà máy xử lý rác đảm bảo từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển/nhà máy xử lý rác không quá 50 km.

- Hoàn thiện mạng lưới dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH; khuyến khích các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia thu gom, vận chuyển CTRSH; tăng cường số lượng các đơn vị, hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển CTRSH tại các địa phương miền núi.

- Trang bị thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH đầy đủ, đồng bộ đảm bảo phục vụ tốt công tác phân loại CTRSH.

2.2.2. Về xử lý

- Giảm dần hình thức chôn lấp trực tiếp CTRSH đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 10% (chỉ áp dụng cho một số xã miền núi vùng sâu vùng xa có mật độ dân cư sống thưa thớt); giảm dần và tiến tới chấm dứt hoạt động các lò đốt quy mô nhỏ.

- Đóng cửa tất cả các bãi chôn lấp CTRSH đã quá tải, không đáp ứng yêu cầu về môi trường nằm trong phạm vi thu gom, xử lý của các nhà máy rác tập trung khi các nhà máy đi vào hoạt động chính thức; có lộ trình cải tạo, khắc phục tình trạng ô nhiễm và phục hồi môi trường tại các bãi chôn lấp CTRSH.

3. Phạm vi của Đề án

- Phạm vi của Đề án tập trung đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với CTRSH. Trên cơ sở đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp, các ngành; từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nội dung về định mức, đơn giá dịch vụ, cơ chế hỗ trợ ngân sách nhà nước không nằm trong phạm vi của Đề án.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; quản lý, điều hành của cơ quan các cấp; phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị, người dân và doanh nghiệp trong thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội các cấp theo thẩm quyền tổ chức, chỉ đạo thực hiện và vận động, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; chịu trách nhiệm trước cấp trên trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện và các tồn tại, vi phạm liên quan.

b) Huy động sự tham gia của toàn xã hội về bảo vệ môi trường, trong đó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường và các tổ chức thành viên như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Công đoàn đóng vai trò nòng cốt trong tổ chức, hướng dẫn, giám sát, thực hiện giảm thiểu khối lượng phát sinh, phân loại.

c) Rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTRSH và chất thải nhựa; sửa đổi, xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền và đầu tư các phương tiện, thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

d) Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức để các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng và Nhân dân tự giác thực hiện nếp sống văn minh, không xả rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi, đúng thời gian quy định; hạn chế, tiến tới chấm dứt sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy; đồng thời đẩy mạnh thời lượng tuyên truyền về bảo vệ môi trường

trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm lan tỏa sâu rộng, khuyến khích và động viên toàn dân tích cực tham gia.

e) Thực hiện các chương trình đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTRSH, thải bỏ CTRSH đúng nơi quy định.

g) Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời nhắc nhở, phê bình các địa phương, đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc, nhằm tạo chuyển biến thực chất, bền vững trong toàn dân về ý thức giữ gìn môi trường sống.

2. Quy hoạch hạ tầng xử lý CTRSH phù hợp với thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

a) Duy trì các khu xử lý CTRSH tập trung có các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đã đi vào hoạt động hoặc đang thi công xây dựng gồm các khu xử lý tại xã Vĩnh Lộc (100 tấn/ngày); phường Đông Quang (500 tấn/ngày); xã Trường Lâm (620 tấn/ngày); phường Bim Sơn (1.000 tấn/ngày), phường Nam Sầm Sơn (300 tấn/ngày); xã Sao Vàng (1.000 tấn/ngày); với tổng công suất xử lý là 3.520 tấn/ngày, đảm bảo xử lý CTRSH cho cả tỉnh đến năm 2030.

b) Bổ sung vào quy hoạch tỉnh 04 khu xử lý CTRSH tập trung có công suất từ 300 tấn/ngày tại các xã: Hà Trung, Triệu Lộc, Yên Thọ, Nông Cống; bên cạnh đó, nâng công suất khu xử lý rác xã Vĩnh Lộc từ 100 tấn/ngày lên 300 tấn/ngày. Đây là một trong các khu xử lý rác tập trung cho tỉnh đến năm 2045, đồng thời, là phương án quy hoạch dự phòng khi một trong các dự án xử lý rác không đảm bảo tiến độ đầu tư/thu hồi do không đảm bảo năng lực hoặc gặp sự cố về môi trường; cụ thể như sau:

- Phương án dự phòng cho trường hợp đến hết năm 2026 khi các dự án rác tại các phường: Bim Sơn, Sầm Sơn không thể đi vào hoạt động: Trong năm 2026, lập hồ sơ chủ trương kêu gọi dự án điện rác tại xã Hà Trung với công suất từ 500 tấn/ngày trở lên; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trong năm 2027.

- Phương án dự phòng cho trường hợp Nhà máy xử lý rác Đông Nam không thể hoạt động ổn định trở lại: Trong năm 2027, lập chủ trương kêu gọi dự án xử lý rác thải tại xã Nông Cống với công suất từ 500 tấn/ngày trở lên.

- Dự phòng thêm 02 khu xử lý có công suất lớn tại xã Triệu Lộc và xã Yên Thọ khi các dự án đã được chấp thuận chủ trương có nguy cơ không triển khai hoặc triển khai quá chậm.

- Các xã, phường còn lại tùy tình hình thực tế, khoảng cách vận chuyển để lựa chọn đưa về các khu xử lý hiện hữu hoặc quy hoạch tại các xã hoặc các xã lân cận cho phù hợp.

c) Dự phòng các khu chôn lấp CTRSH tại các xã: Sao Vàng, Hà Trung, Yên Cát, Lương Sơn, Đồng Lương, Yên Thắng ... với diện tích mở rộng khoảng

26,5 ha (đảm bảo lưu chứa cho khoảng 3 triệu tấn rác) khi các dự án rác chưa đi vào hoạt động ổn định.

d) Duy trì và phát triển các khu xử lý (trong phạm vi xã và liên xã), điểm tập kết, trạm trung chuyển trên địa bàn các phường, xã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường để xử lý khi các khu xử lý CTRSH tập trung chưa hoạt động đồng bộ hoặc để tập kết tạm thời trước khi vận chuyển về các khu xử lý CTRSH tập trung.

3. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thu gom, tập kết và vận chuyển CTRSH

a) Rà soát, tổng hợp danh mục các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định, cân đối kinh phí theo đúng quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

b) Rà soát, đầu tư bổ sung hoặc chuyển đổi các điểm tập kết CTRSH tại các xã, phường trước khi vận chuyển về khu xử lý tập trung đảm bảo 02 - 03 khu dân cư tập trung có ít nhất 01 điểm tập kết CTRSH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.

c) Ưu tiên đầu tư bổ sung hoặc chuyển đổi phù hợp các khu xử lý đã dừng tiếp nhận CTRSH hoặc đã đóng cửa thành trạm trung chuyển CTRSH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường trên địa bàn các xã miền núi, các xã có khoảng cách vận chuyển CTRSH đến khu xử lý lớn: 01 trạm trung chuyển tại xã Nông Công trước khi vận chuyển về khu xử lý CTRSH Nghi Sơn; 01 trạm trung chuyển tại xã Ngọc Lặc và 01 trạm trung chuyển tại xã Lương Sơn trước khi vận chuyển về khu xử lý CTRSH xã Sao Vàng.

d) Nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH tại các địa phương; khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển CTRSH, đảm bảo các khu dân cư đều được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý.

e) Hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; việc vận chuyển CTRSH phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của cấp có thẩm quyền.

g) Phân vùng xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho các xã, phường thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật (Phụ lục 2).

4. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình xử lý CTRSH đáp ứng nhu cầu xử lý

a) Lựa chọn nhà đầu tư vào các dự án xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan. Giám sát, theo dõi tổ chức thực hiện đầu tư dự án theo lộ trình đã xác định.

b) Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH thông qua hình thức đấu thầu, trường hợp không thực hiện được qua đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định.

c) Có cơ chế chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, nhất là thu hút doanh nghiệp đầu tư khu xử lý CTRSH quy mô tập trung, công nghệ tiên tiến, theo đó; ngân sách nhà nước cân đối để hỗ trợ kinh phí thu gom và xử lý CTRSH phát sinh tại các hộ gia đình, cá nhân.

d) Phân vùng xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho các xã, phường thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật.

e) Xem xét chuyển đổi công nghệ của Nhà máy xử lý CTRSH tại phường Đông Quang từ công nghệ hỗn hợp sang công nghệ đốt CTRSH có thu hồi năng lượng để phát điện có công suất trên 500 tấn/ngày.

g) Các dự án đầu tư xử lý CTRSH đầu tư bổ sung hoặc đầu tư mới phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ theo Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Có khả năng tiếp nhận, phân loại chất thải, xử lý mùi, nước rỉ rác, khí thải, linh hoạt trong kết hợp các công nghệ khác, xử lý các loại chất thải rắn khác nhau; có khả năng mở rộng công suất, thu hồi năng lượng, xử lý các chất thải thứ cấp; mức độ phù hợp về quy mô xử lý.

- Mức độ tự động hóa, nội địa hóa của dây chuyền thiết bị, tỷ lệ xử lý, tái sử dụng, tái chế, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; mức độ tiên tiến của công nghệ xử lý; độ bền của thiết bị, dây chuyền công nghệ; xuất xứ của các trang thiết bị; tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ, khả năng sử dụng, thay thế các loại linh kiện, phụ tùng trong nước, tỷ lệ nội địa hóa của hệ thống công nghệ, thiết bị.

- Ưu tiên công nghệ đã được ứng dụng thành công, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thiết bị xử lý, tái chế chất thải và phù hợp với điều kiện Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ; công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

5. Khắc phục, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường tại các bãi chôn lấp CTRSH, khu xử lý đã quá tải, dừng hoạt động

a) Rà soát, lập danh mục, xây dựng kế hoạch, lộ trình đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp CTRSH không hợp vệ sinh, bãi rác tự phát gây ô nhiễm môi trường. Định hướng xử lý rác thải tồn đọng tại các bãi chôn lấp trên địa bàn tỉnh được lựa chọn theo hướng tận dụng làm nguồn nguyên liệu dự trữ phục vụ các nhà máy điện rác trên địa bàn tỉnh. Nguồn kinh phí phục vụ công tác xử lý, thu hồi và vận chuyển rác thải tồn đọng được xem xét cân đối từ

doanh thu bán điện của các nhà máy điện rác nhằm giảm áp lực ngân sách nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Rà soát, chuyển đổi công nghệ hoặc chuyển đổi sang mô hình trạm trung chuyển/điểm tập kết CTRSH đối với các bãi chôn lấp CTRSH đã được bóc xúc đưa đi xử lý, trả lại mặt bằng sạch.

c) Rà soát, xây dựng phương án xử lý tài sản công đối với các lò đốt CTRSH cũ, quy mô nhỏ đã dừng hoạt động do không đảm bảo quy định hoặc cải tạo các lò đốt còn khả năng hoạt động, thực hiện dự án đầu tư mới trên địa điểm khu xử lý cũ.

d) Kiểm tra, kiểm soát, chấn chỉnh hoạt động của các khu xử lý chất thải nhất là vấn đề xử lý nước rỉ rác, mùi hôi, xây dựng mảng xanh, tạo cảnh quan môi trường đảm bảo các khu xử lý hoạt động đạt quy chuẩn cho phép.

e) Sau khi các dự án lớn đi vào hoạt động ổn định, dừng hoạt động tất cả bãi chôn lấp CTRSH trên địa bàn tỉnh (các xã thuộc vùng sâu, vùng xa có dân cư sống thưa thớt tùy tình hình thực tế để quyết định việc xử lý CTRSH bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ đốt hoặc công nghệ hỗn hợp).

6. Giải pháp về tài chính

a) Chuyển dịch từ bao cấp sang nguyên tắc thị trường “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” tuy nhiên vẫn bảo đảm được tính nhân văn và an sinh xã hội đối với khu vực nông thôn, đặc biệt là các khu vực miền núi.

b) Kinh phí về thu gom, vận chuyển CTRSH một phần từ người dân chi trả thông qua việc thu giá dịch vụ công ích và một phần từ nguồn ngân sách tỉnh.

c) Căn cứ tình hình thực tế, tham mưu UBND tỉnh ban hành giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh hoặc tham mưu UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện định giá cụ thể trên địa bàn quản lý.

d) Đa dạng hoá nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hoá và huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH. Thực thi có hiệu quả một số chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án về xử lý CTRSH như bảo lãnh vay vốn tín dụng của các ngân hàng nước ngoài; ưu tiên khai thác các nguồn vốn ODA từ các Chính phủ và các tổ chức quốc tế; vay vốn với lãi suất ưu đãi từ các quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước và các quỹ môi trường.

e) Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh tham gia đầu tư công trình xử lý CTRSH theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 30/5/2026.

7. Tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm

a) Vận hành có hiệu quả đường dây nóng ở địa phương để tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh về khó khăn, vướng mắc, các trường hợp xả rác bừa bãi, đổ CTRSH không đúng nơi quy định; vi phạm trong phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn.

b) Lắp đặt, khai thác hệ thống camera giám sát, đặc biệt tại các tuyến đường giao thông, điểm thu gom CTRSH, khu vực nhạy cảm về môi trường; đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hệ thống camera an ninh để phát hiện kịp thời các hành vi xả rác bừa bãi, đổ CTRSH không đúng nơi quy định; vi phạm trong phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH gây ô nhiễm môi trường.

c) Tăng cường công tác phối hợp của Công an xã và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đổ trộm, xả CTRSH không đúng nơi quy định, xả chất thải gây ô nhiễm môi trường...; đẩy mạnh xử phạt hành vi vi phạm qua hệ thống camera an ninh, camera giám sát tại các tuyến đường giao thông, các khu vực tập trung.

IV. DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030

1. Trong năm 2026

- Rác thải tiếp tục được đưa về các khu xử lý hiện hữu của tỉnh (các bãi chôn lấp, các lò đốt thủ công và các nhà máy xử lý rác tại Vĩnh Lộc, Nghi Sơn, Đông Quang, Nông Cống, Kim Tân).

- Thực hiện quy chế điều phối công tác vận chuyển và xử lý CTRSH khi một trong các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh phải dừng hoặc tạm dừng tiếp nhận rác theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; theo đó, hiện nay, do Nhà máy xử lý rác thải Đông Nam đang tạm dừng tiếp nhận rác để chuyển đổi, nâng cấp công nghệ, khối lượng rác phát sinh hàng ngày trên địa bàn các xã, phường: Hạc Thành, Đông Quang, Đông Sơn, Quảng Phú, Đông Tiến, Hàm Rồng, Nguyệt Viên, Tiên Trang, Quảng Yên đang đưa thu gom, vận chuyển về Khu xử lý chất thải Nghi Sơn để xử lý.

- Cải tạo các khu xử lý rác hiện hữu bằng các biện pháp kỹ thuật (lu lèn, đầm nén ...) để tăng sức chứa bãi rác tại các phường: Bim Sơn; Sầm Sơn; các bãi rác tập trung cấp huyện (trước đây) như: Lang Chánh, Quan Sơn, Minh Sơn, Sao Vàng ...

- Đầu tư mở rộng bãi chôn lấp CTRSH tại xã Sao Vàng, Hà Trung để đảm bảo phương án dự phòng xử lý khi các khu xử lý rác trên địa bàn tỉnh bị quá tải/tạm dừng hoạt động (dự kiến tổng diện tích mở rộng khoảng 6 ha).

- Đôn đốc để đưa các dự án xử lý rác tập trung đi vào hoạt động trong năm 2026; cụ thể: Nhà máy đốt rác Nam Sầm Sơn trước tháng 8/2026; nhà máy điện rác Bim Sơn trong tháng 12/2026, cải tiến dây chuyền, công nghệ xử lý CTRSH bằng công nghệ hỗn hợp của Nhà máy xử lý CTRSH tại phường Đông Quang trước tháng 9/2026.

- Đối với Nhà máy rác Đông Nam: Đôn đốc Nhà máy rác Đông Nam khẩn trương cải tiến công nghệ, chỉ cho phép đi vào hoạt động khi đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Căn cứ tình hình thực tế, chuẩn bị các điều kiện để lập hồ sơ chấp thuận chủ trương dự án đầu tư nhà máy điện rác với công suất từ 500 tấn/ngày trở lên vào 02 khu vực xử lý CTRSH đã có trong quy hoạch tỉnh (Hà Trung, Nông Cống).

- Chuẩn bị các bước đầu tư để lựa chọn, mở rộng thêm 02 khu chôn lấp CTRSH tại các xã nằm trong bán kính 60 km quanh khu vực phường Hạc Thành.

2. Trong giai đoạn từ năm 2027 - 2029

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định các dự án lớn trên địa bàn tỉnh, gồm: Khu xử lý CTRSH Nghi Sơn của Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn; Nhà máy đốt CTRSH phát điện tại phường Bim Sơn do Công ty TNHH Năng lượng môi trường Tianyu Thanh Hóa và Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Sao Vàng.

- Giao chủ đầu tư nghiên cứu, rà soát và lập phương án chuyển đổi công nghệ của Nhà máy xử lý CTRSH tại phường Đông Quang theo hướng đốt CTRSH có thu hồi năng lượng để phát điện, với quy mô, công suất phù hợp; đánh giá đầy đủ tính khả thi về nguồn cung cấp CTRSH, công nghệ, môi trường, hiệu quả kinh tế và phương án đầu nối điện; thực hiện việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ và các thủ tục về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, điện lực theo quy định của pháp luật

- Khuyến khích Nhà máy xi măng Long Sơn xử lý rác sinh hoạt với khối lượng khoảng 300 tấn/ngày đến 500 tấn/ngày, dự kiến hoạt động trong năm 2027 (hiện Nhà máy đang xin chủ trương thực hiện đồng xử lý trong lò nung xi măng).

- Trường hợp các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư không có khả năng tiếp tục hoặc triển khai không theo đúng với kế hoạch đã cam kết, trong năm 2027 tiến hành các bước mời thầu kêu gọi nhà đầu tư dự án điện rác vào 2 khu xử lý tại xã Hà Trung và xã Nông Cống.

- Chuẩn bị các bước kêu gọi nhà đầu tư vào khu xử lý tại xã Triệu Lộc, Yên Thọ (nếu các dự án đã được chấp thuận chủ trương chậm triển khai).

- Trường hợp các Nhà máy lớn chưa đi vào hoạt động ổn định, tiếp tục cân đối quỹ đất dự phòng mở rộng các bãi chôn lấp tại các xã, phường: Sao Vàng; Hà Trung và một số xã, phường còn quỹ đất để xử lý dự phòng cho các xã, phường thuộc khu vực đồng bằng và ven biển. Đối với các xã khu vực miền núi: Các xã chủ động đề xuất đầu tư mới/mở rộng các khu xử lý hiện hữu để đảm bảo xử lý rác cho địa phương cho đến khi các nhà máy lớn đi vào hoạt động.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo các điểm tập kết, điểm trung chuyển CTRSH đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Thực hiện quy trình xử lý các bãi chôn lấp CTRSH đã dừng hoạt động, quá tải, tồn đọng và ô nhiễm môi trường như: Bãi rác Cồn Quán tại phường Hạc

Thành, bãi rác Núi Voi tại phường Bím Sơn, bãi chôn lấp CTRSH Đông Nam tại phường Đông Quang, bãi CTRSH tại phường Sầm Sơn, bãi rác Đồi Mốc tại xã Minh Sơn, các bãi chôn lấp có quy mô cấp huyện trước đây.

3. Giai đoạn từ năm 2030 trở đi

- Duy trì các nhà máy xử lý CTRSH tập trung đã đi vào hoạt động ổn định.
- Chấm dứt hoạt động chôn lấp rác thải và các lò đốt thủ công hoạt động không hiệu quả tại các khu vực nằm trong phạm vi xử lý rác của các nhà máy xử lý CTRSH tập trung.
- Tiếp tục xử lý triệt để các bãi chôn lấp đã dừng hoạt động để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
- Đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa có dân cư sống thưa thớt tùy tình hình thực tế để quyết định việc xử lý CTRSH bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ đốt hoặc công nghệ hỗn hợp.

(Danh mục các dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

1. Tổng nhu cầu kinh phí

Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030 **khoảng 5.707 tỷ đồng**, trong đó:

- Ước tính kinh phí nhiệm vụ tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, ứng dụng hệ thống quản lý CTRSH thông minh, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý CTRSH giai đoạn 2026 - 2030 **khoảng 10 tỷ đồng**.
- Ước tính kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH giai đoạn 2026 - 2030 **khoảng 5.397 tỷ đồng**.
- Kinh phí hỗ trợ đầu tư bổ sung điểm tập kết tạm CTRSH mới, cải tạo các điểm tập kết tạm đã xuống cấp, ô nhiễm môi trường **khoảng 300 tỷ đồng**.
- Kinh phí cho các nhiệm vụ khác: Do các sở, ngành, UBND các xã, phường căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và lộ trình thực hiện Đề án để đề xuất UBND tỉnh xem xét hàng năm hoặc theo giai đoạn.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Dự kiến từ nguồn Ngân sách tỉnh, xã và từ các nguồn huy động hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân

các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo kịp thời, chặt chẽ, đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Tham mưu ban hành các văn bản có liên quan đến quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

c) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh phân luồng CTRSH tạm thời tại khu vực bị quá tải, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới người dân tới các khu xử lý trong và ngoài tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh và đúng theo quy định, trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có) thì tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo xử lý.

d) Chủ trì đôn đốc, yêu cầu các chủ đầu tư các dự án Nhà máy xử lý rác đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương khẩn trương hoàn thành đưa nhà máy đi vào hoạt động theo đúng tiến độ; phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác xử lý CTRSH tại các nhà máy đang hoạt động.

đ) Phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp xã rà soát, xây dựng phương án phân vùng phạm vi thu gom, xử lý CTRSH cụ thể khi các dự án xử lý CTRSH tập trung đi vào hoạt động ổn định.

e) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất để phát triển khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh, tham mưu phê duyệt, điều chỉnh theo đúng quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh theo quy định; việc khắc phục ô nhiễm môi trường đối với các khu xử lý rác trên địa bàn tỉnh.

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện kế hoạch thí điểm mô hình phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn các xã, phường.

i) Tham mưu ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; căn cứ tình hình thực tế, tham mưu UBND tỉnh ban hành giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh hoặc tham mưu UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện định giá cụ thể.

k) Chủ trì tổng kết, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện Đề án này; định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) hoặc đột xuất tổng

hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh ủy và đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết và kịp thời đề xuất hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền (nếu có).

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn nhà đầu tư vào các dự án xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu trình phân bổ, hỗ trợ kinh phí khi đảm bảo điều kiện để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án theo quy định.

c) Tham mưu UBND tỉnh thu hồi chứng nhận đầu tư/dăng ký đầu tư đối với các dự án xử lý CTRSH chậm tiến độ và xử lý những vấn đề có liên quan về thực thi đầu tư các dự án.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy định về đấu thầu, cơ chế đặt hàng dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo đúng quy định.

3. Sở Công Thương

a) Nghiên cứu các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, miễn giảm các thủ tục đấu nối và bán điện dưới lưới đối với nhà máy phát điện sử dụng chất thải rắn sinh hoạt, sinh khối khi có hướng dẫn của Bộ Công Thương để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch, lộ trình hạn chế và tiến tới cấm sử dụng túi nhựa khó phân hủy tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh; có biện pháp giám sát và xử lý (nếu có) các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng.

c) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ điều chỉnh, cập nhập dự án xử lý CTRSH phát điện tại phường Đông Quang, phường Nam Sầm Sơn, xã Hà Trung, xã Triệu Lộc, Nông Cống, Yên Thọ vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án xử lý chất thải đối với các trường hợp trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tái chế, xử lý chất thải nhựa thành nguyên liệu, nhiên liệu; sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nhựa khó phân hủy.

c) Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong tái chế, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng; tham mưu giải pháp khoa học chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải tại các khu xử lý theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng.

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan để xem xét, bố trí điểm tập kết, khu xử lý CTRSH đảm bảo khoảng cách an toàn và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trong quá trình thực hiện thẩm định, tham gia ý kiến các hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông kết nối khu đất mời gọi đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn với hệ thống hạ tầng giao thông hiện hữu.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các trường, cơ sở giáo dục hướng dẫn, hình thành thói quen cho học sinh bỏ rác đúng quy định; hướng dẫn kỹ thuật giảm thiểu CTRSH, phân loại CTRSH theo quy định; bố trí đầy đủ thùng rác trong khuôn viên trường học; vệ sinh sạch sẽ trong và xung quanh khuôn viên trường học.

b) Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với CTRSH tại các trường học, cơ sở giáo dục; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh công tác quản lý CTRSH của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu các cơ sở thuộc phạm vi quản lý, như: Cơ sở lưu trú, khu di tích, khu du lịch ... thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao CTRSH theo quy định.

b) Chỉ đạo rà soát, cập nhật, lồng ghép nội dung quản lý CTRSH vào quy chế quản lý các khu di tích, khu du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với CTRSH tại các cơ sở lưu trú, khu di tích, khu du lịch ...; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh công tác quản lý CTRSH của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

8. Công an tỉnh

a) Tăng cường hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường trong hoạt động vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phòng ngừa, đấu tranh và ngăn chặn việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ xử lý chất thải lạc hậu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Xây dựng kế hoạch giám sát việc phân loại, tiếp nhận, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của tổ chức, cá nhân, không để CTRSH tồn đọng gây mất vệ sinh công cộng, ô nhiễm môi trường, nhất là tại khu dân cư, nơi công cộng, khu du lịch, đường phố, đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ, sông ngòi, bờ biển.

b) Chỉ đạo các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc phân loại, tiếp nhận, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của tổ chức, cá nhân theo kế hoạch đã được ban hành; phát hiện và kịp thời báo cáo các trường hợp vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, xử lý nghiêm theo quy định.

c) Phối hợp với chính quyền các cấp tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia công tác phân loại, thu gom, xử lý CTRSH và vệ sinh môi trường.

d) Xây dựng và nhân rộng các mô hình phân loại rác tại nguồn; phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng khu dân cư văn minh góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung Đề án tại địa phương theo đúng lộ trình; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

b) Căn cứ tình hình thực tế địa phương, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn quản lý trong trường hợp được UBND tỉnh phân cấp thực hiện.

c) Chủ trì lựa chọn các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, ngân sách nhà nước, đấu thầu và các luật có liên quan. Chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vệ sinh, nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

d) Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn theo thẩm quyền phải thực hiện lựa chọn, bố trí hạ tầng kỹ thuật đối với các điểm tập kết, khu xử lý CTRSH đảm bảo khoảng cách an toàn và yêu cầu về bảo

vệ môi trường theo quy định; chủ trì rà soát, bố trí, phê duyệt các điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH đảm bảo thuận tiện và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; xây dựng kế hoạch xóa bỏ các điểm tập kết không đúng quy định, chấm dứt tình trạng xả CTRSH bừa bãi, đốt CTRSH tại các điểm tập trung; cải tạo, bổ sung các điểm tập kết CTRSH đảm bảo quy định;

e) Chủ trì xác định vị trí, thời gian hoạt động, tuyến thu gom và quy mô tiếp nhận CTRSH phù hợp với địa phương; hướng dẫn các hộ gia đình chuyển giao CTRSH cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; xem xét giải quyết kiến nghị của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

f) Đề xuất đầu tư các khu xử lý chất thải trên địa bàn quản lý bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến. Tổ chức rà soát dừng hoạt động các bãi chôn lấp, lò đốt thủ công không phù hợp quy hoạch gây ô nhiễm môi trường.

g) Chủ động thực hiện rà soát để cải tạo, nâng cấp mở rộng các khu chôn lấp CTRSH hiện có trên địa bàn hoặc đề xuất quy hoạch các khu xử lý rác mới trong trường hợp các nhà máy xử lý rác tập trung chưa đi vào hoạt động.

h) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm chi trả các dịch vụ thu gom, xử lý CTRSH; về công tác phân loại CTRSH tại nguồn, tăng cường tái chế, tái sử dụng; vận động, tạo sự đồng thuận của người dân trong việc triển khai xây dựng các khu xử lý CTRSH trên địa bàn; phối hợp tốt với các ngành, cơ quan liên quan trong đền bù, giải phóng mặt bằng triển khai xây dựng các khu xử lý theo quy định.

i) Bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

k) Chỉ đạo Công an xã phối hợp với phòng chuyên môn, lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đổ trộm, xả CTRSH không đúng nơi quy định, xả chất thải gây ô nhiễm môi trường ...; đẩy mạnh xử phạt hành vi vi phạm qua hệ thống camera an ninh, camera giám sát tại các tuyến đường giao thông, các khu vực tập trung

l) Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự án, nhiệm vụ ưu tiên theo Đề án có trách nhiệm: Thực hiện công tác xử lý CTRSH trên địa bàn quản lý và địa bàn được phân công phụ trách cho đến khi thực hiện mô hình thống nhất trên địa bàn tỉnh hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; kịp thời, chủ động trong công tác cải tạo, tăng khả năng chứa của các bãi chôn lấp rác tạm trên địa bàn quản lý, đảm bảo không để ứ đọng CTRSH.

m) Sau khi có Nhà máy xử lý CTRSH trọng điểm đi vào vận hành, UBND cấp xã xây dựng phương án cải tạo, nâng cấp, đóng cửa, xử lý và phục hồi môi trường các bãi chôn lấp CTRSH đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường

11. Đơn vị thực hiện việc thu gom, vận chuyển CTRSH

a) Bố trí và sử dụng thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển được thiết kế phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng các quy định

và yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa.

b) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được hướng dẫn, giải quyết; không tự ý ngừng cung cấp dịch vụ.

c) Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom CTRSH và công bố rộng rãi cho các hộ dân trên địa bàn biết và thực hiện.

d) Trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH theo quy định.

e) Thực hiện vệ sinh, khử mùi, phòng ngừa rò rỉ nước rỉ rác từ phương tiện, thiết bị và điểm tập kết trong quá trình thu gom, vận chuyển; bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, khu dân cư.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển (theo dõi lộ trình, khối lượng, tần suất thu gom...); thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định.

12. Đơn vị thực hiện việc xử lý CTRSH

a) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, thực hiện chương trình giám sát môi trường (nếu có); công khai một số thông tin môi trường cơ bản để cộng đồng giám sát; có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

b) Thực hiện đóng bãi chôn lấp CTRSH sau khi kết thúc hoạt động theo đúng quy định, thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường về thời gian đóng bãi chôn lấp để giám sát; bàn giao mặt bằng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi hoàn thành đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời, thực hiện đầu tư tái sử dụng bãi chôn lấp theo đúng quy định.

c) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được hướng dẫn, giải quyết; không tự ý ngừng cung cấp dịch vụ.

d) Tiếp nhận, phân loại, xử lý CTRSH đúng quy trình, công nghệ đã được phê duyệt; bảo đảm phù hợp với đặc tính của từng loại chất thải đã được phân loại tại nguồn.

e) Ưu tiên áp dụng các công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện môi trường (tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng...); giảm thiểu tối đa lượng chất thải phải chôn lấp.

g) Quản lý chặt chẽ chất thải thứ cấp phát sinh trong quá trình xử lý (tro xỉ, bùn thải, nước rỉ rác ...); bảo đảm được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

h) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình tiếp nhận, xử lý CTRSH; kịp thời thông tin khi xảy ra sự cố môi trường và phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý./.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
I	Giải pháp tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý CTRSH					
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về quản lý CTRSH	Hàng năm	Các chương trình, mitting, hội thảo, lớp tập huấn, tài liệu hướng dẫn về quản lý CTR	3,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc các cấp, tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
2	Rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa vào nội dung giáo dục về môi trường, trong đó có nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học; thực hiện các chương trình đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học	Hàng năm	Chương trình trình đào tạo, truyền thông	3,0	Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
II	Hoàn thiện chính sách, văn bản triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường về quản lý CTRSH					

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thay thế Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh	Trong năm 2026	Quyết định		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì	
2	Xây dựng và bổ sung chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào Nghị quyết quy định chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 – 2030	Trong năm 2026	Quyết định/Nghị Quyết			
3	Rà soát, điều chỉnh phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn, phân vùng thu gom CTRSH cho các dự án trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trong năm 2026	Tích hợp nội dung trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045			

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	2045 trình cấp có thẩm quyền quyết định					
4	Ban hành giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	2026 - 2027	Quyết định		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì	
5	Định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sau khi được UBND tỉnh phân cấp	Quyết định		UBND các phường, xã chủ trì	
6	Ban hành Quyết định sửa đổi, thay thế Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh ban hành quy	Tháng 6/2026	Quyết định		Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã phường	

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	định tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa					
III	Hoàn thiện hạ tầng, mạng lưới thu gom, vận chuyển CTRSH; phân vùng xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh					
1	Hỗ trợ cho các xã, phường cải tạo các điểm tập kết CTRSH tạm thời trước khi vận chuyển về nơi xử lý.	Hàng năm	Công trình các điểm tập kết CTRSH tạm thời được cải tạo, nâng cấp	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất	- Sở Tài chính cân đối, bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường - UBND các xã phường rà soát thực tế và đề xuất	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
2	Điều tra, thống kê số lượng và quy mô nguồn thải, tuyến đường thu gom; xác định vị trí, thời gian hoạt động, tuyến thu gom và quy mô tiếp nhận CTRSH phù hợp với địa phương	Năm 2026 - 2030		Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất	- UBND các xã, phường chủ trì - Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện - Các sở, ban, ngành, phối hợp	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
3	Bố trí, phê duyệt các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Năm 2026 - 2027	Kế hoạch/Quyết định của		- UBND các xã, phường chủ trì - Các sở, ban,	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	đảm bảo thuận tiện và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; xây dựng kế hoạch xóa bỏ các điểm tập kết không đúng quy định, chấm dứt tình trạng xả CTRSH bừa bãi, đốt CTRSH tại các điểm tập trung;		UBND cấp xã		ngành, phối hợp	hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
4	Bổ sung hoặc chuyển đổi phù hợp các khu xử lý đã đóng cửa thành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt: 01 Trạm trung chuyển tại xã Nông Công trước khi vận chuyển về khu xử lý CTRSH Nghi Sơn; 01 trạm trung chuyển tại xã Ngọc Lặc và 01 trạm trung chuyển tại xã Lương Sơn trước khi vận chuyển về khu xử lý CTRSH xã Sao Vàng.	Năm 2026 - 2030	Công trình các trạm trung chuyển được đầu tư, xây dựng	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất tùy quy mô thực hiện của từng địa phương	- UBND các xã: Nông Công, Ngọc Lặc và Sao Vàng - Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện - Các sở, ban, ngành, phối hợp	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
IV	Quy hoạch hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh					

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
1	Tổ chức rà soát đánh giá các lò đốt để có hướng cải tạo các lò đốt có thể hoạt động	Trong năm 2026 - 2027	Chương trình/Kế hoạch	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất	UBND các xã, phường	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
2	Cải tạo, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tăng sức chứa bãi rác tại phường như: Bím Sơn; Sầm Sơn; các bãi rác tập trung cấp huyện (trước đây) như: Nông Công, Lang Chánh, Quan Sơn...	Trong năm 2026	Công trình, dự án	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất	UBND các xã, phường	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
3	Trường hợp khi các nhà máy xử lý CTRSH lớn chưa đi vào hoạt động hoặc không đảm bảo đầu tư theo đúng cam kết, cần đầu tư bổ sung mở rộng các bãi chôn lấp đảm bảo tổng khả năng tiếp nhận khoảng 2 triệu tấn rác và kêu gọi nhà đầu tư các dự án xử lý CTRSH có quy mô công suất từ 300					

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	tân/ngày trở lên					
3.1	Đầu tư mở rộng bãi chôn lấp CTRSH tại xã Sao vàng, Hà Trung để đảm bảo phương án dự phòng xử lý khi các khu xử lý rác trên địa bàn tỉnh bị quá tải/tạm dừng hoạt động		Công trình, dự án	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất tùy quy mô thực hiện của từng địa phương	UBND các xã, phường	
	Giai đoạn 1: Mở rộng diện tích chôn lấp khoảng 06 ha	Năm 2026				
	Giai đoạn 1: Mở rộng diện tích chôn lấp lên 15 ha	Năm 2027 - 2028				
3.2	Đầu tư bổ sung, mở rộng Bãi chôn lấp CTRSH tại các xã: Lương Sơn, Đồng Lương, Yên Thọ, Cẩm Thủy, Như Xuân, Bá Thước, Hồi Xuân, Mường Lát, Na Mèo ...	Trong năm 2027 - 2029	Công trình, dự án		UBND các xã, phường	
3.3	Kêu gọi nhà đầu tư vào các khu xử lý rác công suất xử lý từ 300 tấn/ngày trở lên		Công trình, dự án		UBND các xã, phường	

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	Dự án xử lý rác tại phường Nam Sầm Sơn; xã Hà Trung (<i>công nghệ đốt phát điện</i>), xã Nông Cống (<i>công nghệ đốt</i>).	Năm 2026				
	Dự án xử lý rác tại xã Vĩnh Lộc, xã Yên Thọ, xã Triệu Lộc	Trong giai đoạn 2027-2030 và các năm tiếp theo				
4	Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định các dự án Nhà máy đốt rác Nam Sầm Sơn trước tháng 8/2026, Nhà máy điện rác Bim Sơn tháng 12/2026	Trong năm 2026		-	- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, giám sát việc thực hiện các dự án - UBND phường Nam Sầm Sơn, Bim Sơn phối hợp	Các dự án đã được đầu tư
5	Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định nhà máy điện rác Nghi sơn	Trong năm 2028		-		Kinh phí do doanh nghiệp đầu tư
6	Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Sao Vàng	Trong năm 2029	Công trình	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và theo dõi, giám sát việc thực hiện các dự	

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
					án	
7	Rà soát chuyên đôi công nghệ xử lý chất thải tại các KXL theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng. Xem xét chuyển đổi công nghệ của Nhà máy xử lý CTRSH tại phường Đông Quang từ công nghệ hỗn hợp thành sang công nghệ đốt CTRSH có thu hồi năng lượng để phát điện có công suất trên 500 tấn/ngày	Năm 2026 - 2030	Công nghệ/dự án	-	Sở Khoa học và Công nghệ, các chủ dự án khu xử lý	
V	Khắc phục, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường tại các bãi chôn lấp CTRSH, khu xử lý đã quá tải, dừng hoạt động					
1	Xử lý tài sản công đôi với các lò đốt CTRSH cũ, quy mô nhỏ đã dừng hoạt động tại các xã: Triệu Lộc, Hoa Lộc, Hoằng Lộc, Định Tân, Yên Trường, Định Hòa, Thường Xuân, Thọ Xuân, Xuân Bình, Quảng Bình,	Trong năm 2027 - 2028		Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất tùy quy mô thực hiện của từng địa phương	UBND các xã: Triệu Lộc, Hoa Lộc, Hoằng Lộc, Định Tân, Yên Trường, Thường Xuân, Thọ Xuân, Xuân Bình, Quảng Bình, Tân Dân	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	Tân Dân ...					
2	Thực hiện xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp CTRSH đã dừng hoạt động gồm: bãi rác Cồn Quán phường Hạc Thành, bãi chôn lấp CTRSH xã Đông Quang, Bãi rác núi Voi Bím Sơn, bãi CTRSH phường Trung Sơn cũ (phường Sầm Sơn), bãi rác Đồi Mốc và các bãi chôn lấp CTRSH nhỏ lẻ tại các xã.	Từ năm 2027 trở đi	Công trình, dự án		UBND xã, phường chủ trì chỉ đạo Chủ dự án khu xử lý thực hiện; Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
VI	Giảm thiểu phát sinh và đẩy mạnh tái chế CTRSH; ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong xử lý CTRSH					
1	Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải trên địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng hệ thống quản lý CTRSH thông minh dựa trên dữ liệu số để theo dõi, đánh giá và cải thiện	Năm 2027	Cơ sở dữ liệu	3,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Đơn vị thực hiện/chủ trì thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
	hiệu quả hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH					
2	Xây dựng và nhân rộng các mô hình phân loại rác tại nguồn; phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường	Hàng năm	Mô hình/chương trình	1,0	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	Từ nguồn ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác
VII	Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm					
1	Lắp đặt, khai thác hệ thống camera giám sát, đặc biệt tại các tuyến đường giao thông, điểm thu gom CTRSH, khu vực nhạy cảm về môi trường	Từ năm 2027 - 2030	Hệ thống thông tin camera	Kinh phí do UBND xã, phường đề xuất tùy quy mô thực hiện của từng địa phương	UBND các xã, phường	

PHỤ LỤC 2
DỰ KIẾN PHÂN VÙNG THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT CHO CÁC NHÀ MÁY XỬ LÝ
CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khu vực các huyện, thị xã, thành phố trước đây	Phân vùng về các nhà máy/khu xử lý CTRSH	Cự ly vận chuyển trung bình (km)
1	Khu vực thành phố Thanh Hóa trước đây (gồm 05 phường hiện nay: Hạc Thành, Đông Tiến, Đông Sơn, Hàm Rồng, Đông Quang)	Nhà máy xử lý rác Đông Nam tại phường Đông Quang: Công suất 500 tấn/ngày (đang chuyển đổi sang loại hình đốt phát điện)	15
2	Khu vực thành phố Thanh Hóa trước đây (phường Nguyệt Viên hiện nay)	Nhà máy đốt rác phát điện phường Bim Sơn: Công suất đốt 1.000 tấn/ngày; tổng công suất phát điện 18 MW	32
	Khu vực thị xã Bim Sơn trước đây (gồm 02 phường hiện nay: Bim Sơn, Quang Trung)		05
	Khu vực huyện Hà Trung trước đây (gồm 05 xã hiện nay: Hà Long, Hà Trung, Tống Sơn, Hoạt Giang, Lĩnh Toại)		10
	Khu vực huyện Hậu Lộc trước đây (gồm 05 xã hiện nay: Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc)		26
	Khu vực huyện Nga Sơn trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Nga Sơn, Nga Thắng, Hồ Vương, Tân Tiến, Nga An, Ba Đình)		15
	Khu vực huyện Hoằng Hóa trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Hoằng Hoá, Hoằng Tiến, Hoằng Thanh, Hoằng Lộc, Hoằng Châu, Hoằng Sơn, Hoằng Phú, Hoằng Giang)		34

STT	Khu vực các huyện, thị xã, thành phố trước đây	Phân vùng về các nhà máy/khu xử lý CTRSH	Cự ly vận chuyển trung bình (km)
	Khu vực huyện Thạch Thành trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Thạch Quảng, Thạch Bình, Thành Vinh, Vân Du, Ngọc Trạo, Kim Tân)		35
3	Khu vực huyện Nông Công trước đây (gồm 07 xã hiện nay: Nông Công, Thắng Lợi, Trung Chính, Trường Văn, Thắng Bình, Tượng Lĩnh, Công Chính)	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Nghi Sơn: Công suất xử lý 620 tấn/ngày	37
	Khu vực huyện Như Thanh trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Xuân Thái, Xuân Du, Mậu Lâm, Như Thanh, Yên Thọ, Thanh Kỳ)		55
	Khu vực thị xã Nghi Sơn trước đây (gồm 10 xã, phường hiện nay: Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh, Tĩnh Gia, Đào Duy tư, Hải Bình, Trúc Lâm, Nghi Sơn, Các Sơn, Trường Lâm)		16
	Khu vực huyện Quảng Xương trước đây (gồm 07 xã hiện nay: Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Quảng Bình, Tiên Trang, Quảng Chính)		50
4	Khu vực thành phố Sầm Sơn trước đây (gồm 02 phường hiện nay: Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn)	Nhà máy xử lý rác hỗn hợp tại phường Nam Sầm Sơn: Công suất 300 tấn/ngày.	9
	Khu vực thành phố Thanh Hoá trước đây (phường Quảng Phú hiện nay)		5
5	Khu vực huyện Vĩnh Lộc trước đây (gồm 03 xã hiện nay: Vĩnh Lộc, Tây Đô, Biện Thượng)	Nhà máy đốt CTRSH tại xã Vĩnh Lộc: Công suất 100 tấn/ngày	6
6	Khu vực huyện Như Xuân trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Như Xuân, Thượng Ninh, Hoá Quý, Thanh Quân, Xuân Bình, Thanh Phong)	Nhà máy đốt rác phát điện tại xã Sao Vàng: Công suất đốt 1.000 tấn/ngày, phát điện 12 MW	42

STT	Khu vực các huyện, thị xã, thành phố trước đây	Phân vùng về các nhà máy/khu xử lý CTRSH	Cự ly vận chuyển trung bình (km)
	Khu vực huyện Thiệu Hóa trước đây (gồm 05 xã hiện nay: Thiệu Hoá, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Thiệu Toán, Thiệu Trung)		27
	Khu vực huyện Yên Định trước đây (gồm 07 xã hiện nay: Quý Lộc, Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Yên Ninh, Định Tân, Định Hoà)		26
	Khu vực huyện Thọ Xuân trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân Hoà, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập)		8
	Khu vực huyện Thường Xuân trước đây (gồm 09 xã hiện nay: Bát Mọt, Vạn Xuân, Yên Nhân, Lương Sơn, Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh)		18
	Khu vực huyện Triệu Sơn trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Thọ Bình, Triệu Sơn, Thọ Ngọc, Thọ Phú, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến)		18
	Khu vực huyện Ngọc Lặc trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Ngọc Lặc, Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ)		35
	Khu vực huyện Cẩm Thủy trước đây (gồm 05 xã hiện nay: Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Cẩm Tú, Cẩm Vân, Cẩm Tân)		56
	Khu vực huyện Lang Chánh trước đây (gồm 06 xã hiện nay: Linh Sơn, Đồng Lương, Giao An, Văn Phú, Yên Thắng, Yên Khương)		53
7	Khu vực huyện Bá Thước trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Điền Quang, Điền Lư,	Xử lý tại các bãi chôn lấp/lò đốt của xã, liên xã	15

STT	Khu vực các huyện, thị xã, thành phố trước đây	Phân vùng về các nhà máy/khu xử lý CTRSH	Cự ly vận chuyển trung bình (km)
	Quý Lương, Cổ Lũng, Pù Luông)		
8	Khu vực huyện Quan Hóa trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Phú Xuân, Trung Sơn, Hồi Xuân, Nam Xuân, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Lệ, Trung Thành)	Xử lý tại các bãi chôn lấp/lò đốt của xã, liên xã	15
9	Khu vực huyện Quan Sơn trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Na Mèo, Trung Hạ, Quan Sơn, Tam Lư)	Xử lý tại các bãi chôn lấp/lò đốt của xã, liên xã	15
10	Khu vực huyện Mường Lát trước đây (gồm 08 xã hiện nay: Quang Chiêu, Mường Lát, Pù nhì, Nhi Sơn, Mường Lý, Trung Lý, Mường Chanh, Tam Chung)	Xử lý tại các bãi chôn lấp/lò đốt của xã, liên xã	15